

GHI CHÉP VỀ GIÁO VÀ HẠNH CỦA TÔN GIẢ TƯ MINH

QUYỂN 2

- Quán kinh dung tâm giải.
- Tu sám yếu chỉ.
- Thích phụ hành truyền hoằng quyết đề hạ chú văn.
- Chỉ quán nghĩa lệ cảnh trí hổ chiếu.
- Thiên Thai giáo và Khởi Tín luận dung hội chương.
- Thích thỉnh Quán Âm sở trung tiêu phục tam dụng.
- Đối lan nghĩa sao biện tam dụng nhất thập cửu vấn.

QUÁN KINH DUNG TÂM GIẢI VÀ LỜI TỰA

Một hôm người học cú đầu nói rằng: mười sáu pháp quán là bến bờ tất yếu để giải thoát, nghe đã hơn năm, vụng siêng năng nghiên cứu, quán đạo chưa hiểu, tạo lập tu tập đâu có chỗ nương tựa, dám xin thỉnh cầu chỉ dạy cho được thông suốt, ngõ hầu làm khuôn phép. Tôi trả lời: Chú thích rõ ràng, ôi mê hoặc làm sao! Bỗng có chỗ ngăn che thử hỏi làm sao thông, hãy hỏi chỗ nào thì trình bày chỗ đó. Dẫn văn để chứng minh, xem qua xem lại đã nhiều lần, tôn chỉ nghĩa ý dần dần sáng tỏ, còn sợ chúng sinh đời vị lai chưa nghe hiểu biết, những người không thông suốt nhờ đây mà hiểu biết. Lúc này nhằm ngày mừng chín tháng chín năm Giáp dần niên hiệu Đại Trung Tường Phù năm thứ bảy đời Tống, tác giả tự trình bày.

Người học hỏi rằng: Mười sáu pháp quán trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đối với ba thứ quá môn của các nhà giải thích đời nay thuộc về môn nào?

Đáp: Đã chẳng phải nhờ nơi sự nghĩa lập quán lập cảnh, thì không gọi là thác sự (mượn việc), lại chẳng tóm lược pháp tướng nhập tâm thành quán, đâu có quán hệ gần gũi pháp. Bà Vi-đề đặc biệt thỉnh Phật giảng nói pháp môn niệm Phật để thọ trì, thế nguyện luận đàm pháp

tu chứng đến chết, tuy nương gởi vào kia mà chính đều hiểu rõ duy sắc duy tâm, dùng thân pháp giới nhập vào tâm tướng, cho nên y cứ vào hành để nói.

Hỏi: Tuy là vái vào hành, mà ban đầu quán mặt trời lặn, giữa tướng thân Phật, sau cùng luận về ba bậc, vì chỉ quán tướng y báo, chánh báo sự cảnh mà thành quán hạnh, vì chiếu ba đế lý đó thôi ư! Mọi người nghi ngờ cúi mong giải thích rõ?

Đáp: Ý Phật tuy rõ ràng mà lời kinh khó hiểu, cần phải nhờ vào pháp tứ y chỉ bày phương pháp tu tập kia. Vì sao? Vì tôn chỉ ý nghĩa của một bộ kinh là suy tìm nơi đầu đề của kinh ấy, cho nên lời sơ nói: Pháp quán tuy có mười sáu, nhưng lời Phật dạy đã bao trùm tất cả. Đã dùng một tâm ba quán giải thích quán, một thể ba thân giải thích Phật. Thật tướng các pháp là chánh thể của kinh. Tu tâm diệu quán hiển bày bốn cõi tịnh làm tông, dứt trừ được năm tội nghịch liền sinh chín phẩm làm dụng, Phương đẳng Đại thừa Viên Đốn là giáo tướng. Năm lớp đã vậy đâu chỉ tướng sự cảnh tiêu văn kinh ư! Ngài Kinh Khê nói: đầu đề đã vậy, cuối đề giải thích lý riêng chẳng dễ dàng gì. Lại Bất Nhị Môn nói rằng: Xem riêng là chung, văn phù hợp có thể biết, cho nên đầu và văn kinh chung riêng hiển bày lẫn nhau không thể là khác, cho nên biết mười sáu pháp quán đều viên ba quán.

Lại hỏi: Bà Vi-đề-hy bị nghịch tử giam trong cung lạnh, bèn khóc lóc thỉnh cầu Đức Thế Tôn chỉ dạy nơi không còn phiền não, cho đến Phật phát ra ánh sáng chiếu soi các cõi thâm nhiếp nơi đài vàng, mà nói không ưa cầu các cõi khác, mới dốc lòng cầu Cực lạc, hướng chỉ số văn trình bày chung cõi Lạc bang toàn cõi đất đề bằng vàng báu, căn cứ các văn đây chỉ ở cõi Đồng cư là nêu rõ, cho nên chỉ y cứ vào ba quán bốn cõi mà nói ư!

Đáp: Muốn giáo pháp hưng thịnh, sao chẳng phải đối với việc gần mà vào ư! Bà Vi-đề-hy tuy muốn xả bỏ ô uế này mà cầu sinh cõi an tịnh, nhưng Phật dạy pháp quán, xả uế phải hết hiển tịnh không sót, như mặt trăng bao trùm tất cả để tránh khỏi bệnh xa lìa quả báo, thỉnh Quán Âm và đọc tụng chú mới có thể tiêu phục nguồn gốc ba độc, đầy đủ quả ngũ nhãn, các giáo hưng thịnh do kia theo lệ phần nhiều là vậy, cho nên tu nhất tâm ba quán cầu sinh Tịnh độ, tức dùng ba hoặc làm nhân cõi uế, dùng ba đế làm quả cõi tịnh, cho nên biệt hoặc hết sạch, thì tịch quang tịnh, rốt ráo ba đế. Nếu hoặc này chưa hết thì thật báo tinh phần chứng ba đế. Thông hoặc hết thì phương tiện tịnh, tương tự ba đế, hoặc này còn thì đồng cư tịnh quán, thực hành ba đế. Nếu không có đế quán

này thì đâu khiến bốn cõi đều tịnh, còn chẳng phải uế thật báo, đâu chỉ tịnh Đồng cư. Ngài Kinh Khê nói: kiến tư hoặc chưa phá, an lạc hạnh là khí hân của hạnh Đồng cư Tịnh độ. Cho nên sơ nói rằng: kinh này lấy tu tâm diệu quán làm tông, thật tướng làm thể. Nếu không như vậy, thì tông chẳng hiển tông của thể, thể chẳng hiển thể của tông gia, đây như nhà Nho dạy con về phương pháp y thực, tức khiến đọc sách cầu lộc thì sự giàu sang sẽ đến, đâu cần cày cấy buôn bán. Hiểu được ý của thí dụ này thì kinh này sẽ hiểu.

Lại hỏi rằng: Nếu có thể viên tu ba quán hiểu sâu diệu lý, sao không chỉ ở cõi Ta-bà vượt thẳng ra sinh tử, đâu cần xả bỏ cõi này cầu đến cõi kia, lại tự tu ba quán, sao gọi là hạnh Tịnh độ?

Đáp: Kinh này tuy quán lý sâu, nhưng vì y báo, chánh báo cõi Cực Lạc làm cảnh, tu ba quán thì khác với trực quán các quán trong ba đường. Cho nên người gọi là Tịnh độ. Nếu không như vậy thì bốn thứ Tam-muội làm sao phân biệt, lại vì cõi này trước nặng tu đến Thập tín mới vượt khỏi vòng khổ, cõi kia cảnh giới tốt đẹp đến được chín phẩm thấy đều không lui sụt, cho nên dạy gá vào cảnh tốt đẹp kia mà tu quán, dù lý chưa hiển bày kiến ái vẫn xả, báo sẽ sinh nơi không còn lui sụt, như đây vì sao không bỏ cõi này cầu về cõi kia! Cho nên luận Khởi Tín chép: Hàng sơ học Đại thừa tâm còn nhút nhát do ở cõi Ta-bà không thường gặp Phật, sợ rằng tín tâm còn lui sụt, nên biết Đức Như Lai có phương tiện tốt đẹp, chuyên niệm Tây phương Cực Lạc thế giới của Phật A-di-đà cầu sinh cõi kia, nếu quán pháp thân chân như của Đức Phật ấy thì chắc chắn được sinh về nước ấy, an trú nơi chánh định. Đã sợ cõi này thiếu duyên, lòng tin lui sụt nên cầu sinh về cõi kia, nên dạy quán chân như pháp thân của Đức Phật giải thích kinh, cùng với ý ngựa hý không có chút khác nhau, cho nên luận Thập Nghiê nói về chánh hạnh vãng sinh, dạy quán tướng pháp thân, báo thân của Phật Di-đà, ánh sáng tương tốt và bảy báu trang nghiêm nhiệm mầu... ở cõi Cực Lạc, nói đầy đủ như trong Kinh Thập Lục Quán, thường thực hành Niệm Phật Tam-muội, cho nên biết chánh hạnh vãng sinh là ở ba quán tướng ba thân kia. Nay duyên Đức Phật kia tu ba quán ấy, là thực hành sâu Tịnh độ quán lý nhiệm mầu, xả cõi này cầu cõi kia, tâm ban đầu không lui sụt, nghĩa kia đều thành.

Lại hỏi: Trong mười sáu phép quán đã không có lời suy tìm lý, sơ văn tùy giải thích, không có lời chỉ bày ba quán, vậy thì ba quán giải thích danh, bốn cõi hiển bày thể, mới gọi là khai mở viên giải, như đã đạt đến trải qua cảnh tu quán, lại chỉ tưởng nơi sự cảnh, nương gá buộc

niệm, sinh về cõi Lạc bang kia, đã được không lui sụt thì lo gì không đến cõi Thật báo Tịnh Quang, sự dựng lập của tông đâu thể vượt ngoài hai môn giải hạnh ư!

Đáp: Lý giải thích đề, sự hành tiêu quán, chưa thể được, sao lại đề nêu quán Phật, kinh nói bao gồm tất cả, chủ bạn y báo chánh báo đầy đủ có mười sáu, sợ rằng khác dấu vết, cho nên trước hết nêu lên rằng: Nêu chánh báo để đạt được y quả, nói Hóa chủ thì bao gồm đồ chúng, kinh đã nói theo chỗ quan trọng. Sớ là y cứ chung mà nói, người giảng cần phải dùng chung mà quán suốt riêng, người tu vẫn phải dùng lý dung sự mới được gọi là thật tướng, xứng với tông thể không trái ngược, dù giải hạnh có sai, chung riêng trái nhau thì đề chẳng phải tên kinh này, quán chẳng phải đây thì gọi là triệu, các tác phẩm ở đời nếu cũng trái với đề thì không đúng cách thức hướng chi thánh giáo ư! Nếu cho rằng không có văn thì thành vu khống, cho nên kinh dạy: “Pháp giới thân của các Đức Phật nhập vào trong tâm tướng của chúng sinh, cho nên nói khi lâm tướng Phật thì tâm ấy tức là ba mươi hai tướng, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật”. Sớ soạn cảm ứng đạo giao đã giải nhập tương ứng thích, nếu không có sơ thích phải quán Phật, nếu không giải thích tiếp thì chúng sinh và Phật thể khác nhau, hai lần giải thích nương nhau mà thành. Nay Quán Pháp sớ nói rằng: Phật pháp giới thể không nơi nào là không trùm khắp, niệm Phật Tam-muội giải nhập tương ứng”. Cho nên nói nhập vào trong tâm tướng, tự chẳng phải Tam-muội nhất tâm tam chỉ, đâu thể cùng với pháp giới mà luận về ứng nhập được. Tâm ấy làm Phật: nói tức tâm biến chuyển toàn tánh thành tu. Tâm ấy là Phật: ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Đây là kiến cho hành giả hễ quán một cảnh nào đều biết tâm biến chuyển, toàn thể là tâm, đã toàn là tâm, tâm đâu thấy tâm, như ngón tay không tự đung ngón tay, đao không tự làm tổn thương đao. Cho nên Kinh Bát Chu chép: sở niệm của ta là thấy tâm, tạo tâm Phật tự thấy tâm, cho đến nói rằng: Tâm ấy không biết tâm, tâm ấy không thấy tâm, tâm có tướng thì si, không tướng thì Niết-bàn. Chỉ quán căn cứ đây mà lập Trung quán, nếu Trung quán lập thì nhậm vận tức ba. Văn trong kinh Bát Chu này cùng kinh này rộng lược có chút khác nhau nhưng tôn chỉ thì không khác nhau, Đức Như Lai vốn sợ chấp tướng quán Phật không thành diệu tông, cho nên ở trước chân tướng chỉ bày quán thể, dạy nương pháp này mà quán thân Phật, nếu không nương pháp này thì đây thể riêng thành diệu quán, hoặc là cũng không phát sinh tướng tốt. Người có trí hiểu được tôn chỉ nhiệm mầu của kinh, như ở đầu đề có nói trước về quán thể, nay sẽ quán nhập mười

sáu môn này thì tướng tướng viên dung tâm tâm vắng lặng, cho nên thứ chín Phật tướng, số gọi là chân pháp thân quán, chân theo đối tượng, pháp làm sao tiêu, cùng pháp thân thanh tịnh nhiệm mầu của Pháp Hoa đầy đủ ba mươi hai tướng, vì sao mà khác ư! Phải biết pháp thân của Tiểu thừa, nghĩa đồng với sinh thân, sinh thân của Đại thừa nghĩa đồng với pháp thân, cho nên Đức Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na, tám muôn tướng hải đầu chẳng phải pháp thân, hướng chi chẳng phải chính mắt trông thấy rõ ràng, chỉ là quán thành. Văn kinh chép: “Thân pháp giới của Phật nhập vào trong tâm tướng của chúng sinh”. Lại nói: Tâm nếu là Phật đâu thể hạn cuộc thân của ứng thân, tướng của hữu tướng ư! Cho nên bà Vi-đề-hy nghe xong liền đốn nhập phần chân, các thị nữ nghe đều được tướng tự, chẳng phải cảnh viên quán, chúng sinh đương cơ đâu được chứng nhập như đây, do kết quả hiệu nghiệm lợi ích, pháp quán có thể biết.

Lại hỏi: Trên là căn cứ vào tâm này là Phật, đây chính y cứ vào Phật, trong luận tại sao nói các môn giới luận về ba quán, mong nghe giải thích rõ ràng để dứt các sự nghi ngờ.

Đáp: Nếu đối với hàng sơ tâm mà đã Trung quán thì sẽ song chiếu nhập vận thành ba, nhất quán đã thế thì các môn khác cũng vậy, bởi người Viên Giác vốn tin các pháp viên dung, nay gá vào duyên tốt tướng nơi các tướng, liền biết các tướng bốn tánh bất sinh, pháp thể vốn không, tâm cảnh không thật có. Tuy biết không thật có mà không ngăn ngại duyên sinh, toàn tánh khởi tu, nghĩ nhớ liền thấy, khởi là do tánh khởi, không là tánh không, tánh chẳng phải hai bên, năng sở cũng bắt dứt, chỉ có tâm chỉ có sắc, đối đãi quên mất, cho nên chỉ quán chia văn Bát-chu tâm Phật không thật có, là không, việc mộng rõ ràng là giả, tâm không thấy tâm là trung, nói thì ba tướng rõ ràng, tu thì một niệm đầy đủ. Kinh chỉ bày các tướng, dạy phải quán kỹ, người của Viên giáo tu chẳng phải các tướng này thì không cứu xét, cho nên biết mười sáu pháp đều có ba quán, mà ba quán đây ở trong một niệm, nay quán y báo, chánh báo mỗi thứ đều có công năng, vì sao? Vì tâm cảnh không thật có cho nên nhiễm có thể quán tịnh, không ngại duyên sinh cho nên trưởng thành tướng khởi, duy sắc duy tâm cho nên ngay nơi ấy hiển hiện. Có người nghi ba quán ngăn tướng y báo, chánh báo, nay nói ba quán năng hiển y báo chánh báo, ba quán dần dần làm rõ y báo chánh báo, ở trong một tâm giúp sức lẫn nhau, phát sinh lẫn nhau. Lại nữa nên biết một tâm ba quán tu có nhiều môn, nếu thẳng nơi ba đường mà hiển bày lý thì đây như một hạnh, nếu nhờ quán Phật mà hiển lý thì đây như

Bát-chu v.v... Nếu đối với số tức hiển lý như thỉnh Quán Âm, nếu đối với thiện ác vô ký hiển bày lý, như trải sự hiểu ý, ba quán này chẳng phải thẳng đối với ba đường hiển lý, mà là duyên Tịnh độ y báo chánh vào mà tu, tuy duyên theo sự chẳng phải tán thiện ác và vô ký, cho nên biết tuy đồng là toàn lý khởi sự nhưng phải phân chia nghịch thuận, sự trái lý chiếu soi khiến dứt bật, sự thuận lý quán khiến thành tựu. Nay y báo, chánh báo là diệu dụng của Phật tương ứng với viên quán. Đây quán chưa thành thì tùy giả tưởng mà tiến, cho nên quán mặt trời làm băng cứng, nếu đấm trước quán này thì dùng Phật pháp làm duyên, cho nên quán đất, cây, thân Phật, nên biết dụng một tâm, ba quán thì y báo chánh báo rõ ràng, chẳng phải một tâm ba quán y báo chánh báo khó hiển bày.

Lại hỏi: Pháp giới nhập tâm, tâm này là Phật, là thể diệu quán, người hiểu không nghi ngờ, như văn kinh kia nêu quán đầu tiên, các quán dưới đây đã có thể thức, có thể tức đủ ba, các môn đây Đức Phật đã chưa chỉ bày lấy gì làm bằng cứ để tu ba quán?

Đáp: Đức Phật thường quán sát căn cơ để chỉ bày pháp, trước hết khước từ ý kia khó so lường, hiểu sâu ý kinh không như tứ y, đã dùng ba quán ba thân giải thích đề mục chung mà gọi là mười sáu, Phật nói bao trùm tất cả, hành nhân đâu thể không vâng theo lời nói này, nếu kia chưa hiểu phải tìm hiểu hỏi han cho thấu đạt, cẩn thận chớ bỏ kinh theo tình mà dùng ngu vấn nạn trí, hướng gì một nhà chế lập trường hợp ấy càng nhiều, như văn Bát-chu tam quán, sám Phổ Hiền sáu căn, đều là trong định thấy thánh, bắt đầu chỉ dạy pháp môn kia. Nhưng bậc trí dạy người đều phải chuẩn bị trước rồi mới vào đạo tràng, sao không nghi ngờ mà chỉ trách ở đây, hướng chi ngoài một nàh chánh thọ vị thiền sáu diệu trở lên không gì là không đầy đủ đối với tướng vô lậu, sao Đốn giáo Phương đẳng niệm Phật Tam-muội thuận quán về sự ư! Mong chớ hủy báng kinh mà vội lấy nghiệp Vô gián.

Lại hỏi: y theo văn nêu rõ ràng, nếu tu hành đúng thì đâu cần gá tâm, đã trải qua chánh y rõ ràng, hoặc đại hoặc tiểu, cảnh tướng quanh co mỗi mỗi phải quán, nếu chiếu chân như, thì phải bật niệm, không hữu đều dứt cảnh quán đều tiêu. Vả lại quán tướng thì trái với chân, chiếu lý thì trái sự, đã khó tính liệu ắt không nơi quay về, mong chỉ bày dụng tâm lâu dài làm phương pháp tu tập?

Đáp: Tuy chia ra lý sự nhưng cùng ở trong một niệm, đã chẳng phải hai nguyên nhân thì đâu cần phải lo lắng tính liệu, cho nên biết thân và cõi không lìa chân như, có thể đối với hàng Sơ tâm không hai

mà soi chiếu, tuy là Viên đốn giáo nhưng ba thứ trước không thể, cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Long vương Tạ Kiệt rưới mưa xoay vòng chỉ biển mới có thể thọ nhận, ngoài ra đất chẳng thể chịu nổi. Bát-chu Tam-muội quán bốn mươi tám tướng, hiểu biết mỗi tướng lại đối với lúc này mà tu ba quán, ngài Kinh Khê lập thân tướng làm cảnh, không v.v... làm quán. Nay hỏi: vì đợi thân tướng quán thành mới tu ba quán, hay vì trở lại cảnh quán đồng thời mà tu, nếu đợi quán thành, hoặc chín mười ngày tướng cảnh chưa hiện thì ba quán không thực hành, đâu thành viên hành, nếu nhập đạo tràng tức tu ba quán, nghiệm biết quán tướng không ngại chiếu chân, hướng lại một nhà lập viên hành này, không riêng ba quán, phải luận thập thừa. Thân chủ yếu hành thí, miệng vẫn xưng tụng, ba nghiệp đều vận dụng, chín tuần không nghỉ thì Tam-muội mới thành, các Đức Phật đồng hiện, không thể do hạn cuộc tình huống mà tự ngăn ngại, phải dùng sự thông suốt ghi nhớ tạo tu, nhưng chẳng phải viên tông của ta, người khác chẳng thể hiểu, chỉ như ba quán, thể tuy không hai, nhưng nghĩa lại trái nhau, không thì một tướng chẳng thật có, giả thì các pháp đều lập, trung thì tánh lìa hai bên. Hàng Sơ tâm Biệt giáo tuy tin trung đạo nhưng không thể quán ngay được, phải phân tích thể không quán thành, sau phải trải qua nhiều kiếp học khắc các môn, hai quán bằng nhau mới tu Trung quán. Người trong Viên giáo phát động thì trong một tâm đốn quán ba đế, cho nên kinh Nhân Vương Bát-nhã chép: Có không vốn tự hai, thí như hai sừng con trâu, soi giải kiến không ba, hai đế thường bất tức. Lại nói: Đối đế thường tự hai, đối giải thường tự một, tự chẳng trước rõ tánh, đầy đủ pháp dung diệu mà quán, hàng Sơ tâm làm sao vượt qua bậc đã chứa nhóm, công đức tu hành từ lâu xa được, nay y báo, chánh báo thể vốn khó nghĩ bàn, dùng diệu quán mà quán tự nhiên kế hợp, sao lại tưởng sự nhiều ngại là chân thật đoạn diệt mà nghi nan ư! Nên biết Thiền mà dịch là tịnh lự, tức tên khác của tịch chiếu. Đã trong tịch có chiếu, người Viên giáo tu đâu có soi chiếu cảnh tối tăm mà không chiếu ngay nơi chỗ sáng suốt nhiệm mầu. Lại pháp quán này đã giống như Bát-chu, phải luận về ba năng lực, đó là năng lực Phật, năng lực Tam-muội và năng lực công đức vốn có của hành giả, không thể dùng tình tướng của mình mà bàn luận thánh pháp khó nghĩ.

Lại hỏi: Nếu pháp quán như thế thì ai có khả năng tu chứng! Nếu kia không tu, thì làm sao sinh được về cõi kia, vậy thì đường vắng sinh dứt hẳn, đối với chúng đương cơ đâu có lợi ích gì?

Đáp: Căn tánh của con người đều do Sư huân tập ở đời trước có

thành thực hay không, đối với năng phát, mình còn khó so lường, người khác đâu thể luận bàn, phải tin năng tu không chuyển thì dù cho Phật xuất thế cũng vẫn tối tâm, đâu riêng người đời nay, bà Vi-đề-hy thỉnh Phật giảng nói là vì chúng sinh đời vị lai, Đức Phật biết có lợi ích cho nên khiến lưu thông như vậy, tự mình buông lung không tu, chớ vu khống người năng tu. Nhưng nay luận về diệu quán là nguồn gốc tông chỉ của kinh, nên y theo hạng thượng căn có thể luận về chánh hạnh, cho nên như trên nói Tiểu thừa thực hành pháp năm giới, tám giới, hiểu thảo nuôi dưỡng cha mẹ, làm việc từ thiện thế gian, khi sắp mười ác, năm tội nghịch khi sắp qua đời niệm mười niệm cũng được vãng sinh, cho nên biết chỉ đối với kinh này tận lực tu hành, một niệm tùy hỷ, đều hưởng đến biển niệm Phật, đều cùng trở về nguồn linh giác. Nhiếp vật như đây không bỏ sót, trừ tội ác đến cùng cực, đều do kinh giải thích rõ ràng lý viên quán cùng cực nguồn gốc, khiến lực dụng khó suy luận nghĩ bàn luận và bạt dứt không bờ bến, đâu đến nỗi bị mắc kẹt nơi kinh này, phải tôn trọng lời nói người trí để hiểu ý của Như Lai, từ nay về sau, niệm đây tại đây, đối với một niệm tâm hiển bày bốm Tịnh độ, vì vậy các sự nghi ngờ của người học đã đắc được tâm mình, xin hãy vâng hành và chỉ bảo cho chúng sinh đời sau.

YẾU CHỈ TU SÁM

Nhân vào trong điện vâng lệnh của vị chủ viện giảng nói phương pháp tu Pháp Hoa Tam-muội ba ngày ba đêm, vì muốn biết yếu chỉ sám pháp nên trình bày lại đây để chỉ bày cho họ.

Xét rằng các kinh Đại thừa giảng giải hành pháp căn cứ vào uy nghi của thân để phân tích, không ngoài bốn thứ, thu nhiếp tất cả hành hết sạch không gì là không cùng tận: 1) Thường ngồi, tức Tam-muội nhất hành; 2) Thường đi tức Tam-muội Bát-chu, đều lấy chín mươi ngày làm một kỳ hạn; 3) Bán hành bán tọa, tức Tam-muội Phương đẳng, lấy bảy ngày làm một kỳ hạn. Lại Tam-muội Pháp Hoa ba lần bảy ngày làm một kỳ hạn; 4) Phi hành phi tọa, tức Tam-muội thỉnh Quán Âm, bốn mươi chín ngày làm một kỳ hạn. Lại Tam-muội Đại Bi ba lần bảy ngày làm một kỳ hạn, nhưng trong các kinh nói có người không chuyên đi, ngồi và bán, tất cả hành pháp đều thấu nhiếp Tam-muội này. Nhưng hạn định số ngày ấy bởi khiến hành giả khắc phục thời mà phá chướng, mục đích là tu hành quyết định chân chánh, chọn lấy công thành, lý mới hiển hiện. Nếu muốn tu lâu, như phẩm An Lạc Hạnh trong kinh Pháp Hoa chép: Rốt đời sau người tu hành hoặc thời cơ thích hợp thúc

giục, như kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: “Một ngày đến bảy ngày”. Hoặc như phẩm Phổ Môn chép “Nhất thời lễ bái...”. Nhưng quan trọng là dụng tâm, không nhất định ngày. Nay tu Tam-muội Pháp Hoa nếu chuyên tinh cho đến tiến công thì đâu lại không phá chướng hiển bày lý được ư! Nhưng phải biết trước chỗ nêu tâm và môn tiến hành, đó là viên thường chánh tín.

Thế nào là sinh tín? Là tin tất cả pháp chỉ do tâm vốn đầy đủ, toàn tâm phát sinh, sinh không có lý khác, đều do tâm vốn đầy đủ, đầy đủ mà không phân biệt đều là duyên sinh. Tướng thế gian là thường, duyên khởi lý chỉ một, sự lý không hai, sắc tâm dung hợp, cho nên pháp pháp trùm khắp, niệm niệm đầy đủ, mười phương ba đời không lìa sát-na, Phật và chúng sinh đều gọi là pháp giới, đương xứ đều không, toàn thể tức giả, hai bên không thật có, trung đạo không thể tồn tại, ba đế viên dung; một tâm đầy đủ, chẳng một chẳng khác, chẳng ngang chẳng dọc, không thể nói để nhập đạo. Nương đây rộng vận chuyển tâm từ bi vô duyên vô niệm, nhờ đây mà khéo an nơi định huệ, vô tác vô vi, cậy nhờ đây mà phá hết tình chấp, tình chấp nào không phá, căn cứ theo đây lại tìm sự bít lấp, không chấp không thông, trong đây thích hợp cho sự trợ giúp, nương gá, hợp thành viên vị, có thể bước lên địa vị tịch nhĩn bất động, không dính mắc tương tự, mau nhập phần chân. Cho nên ngài Thiên Thai Trí giả trước hết dạy người tu hành gần gũi thầy tốt, học chỗ sám hối, tức cảnh bất tư nghi đến chỗ lý quán.

Kế là chỉ bày pháp sám hối, có ba thứ cách: 1) Tác pháp sám: Thân lễ bái, miệng xưng lời, ý suy nghĩ, cả ba phải nhất nhất nương theo pháp độ; 2) Thủ tướng sám: nghĩa là định tâm vận tướng tướng khởi làm kỳ hạn; 3) Vô sinh sám: nghĩa là hiểu rõ tâm ta tự không, tội phước vô chủ, quán thật tướng của nghiệp, thấy nguồn gốc tội, pháp giới viên dung, chân như thanh tịnh. Pháp tuy có ba thứ nhưng hành tại nhất thời, đâu thể thiếu trước, không được sót sau, vô sinh tối yếu, thủ tướng còn chậm rãi, vì tông diệu quán là đứng đầu Đại thừa, diệt tội như lật úp mặt đất cỏ cây đều khô, hiển bày đức độ như chiếu soi, sông lắng rừng cây đều hiện. Dùng nghi thức lý quán này dẫn dắt nơi sự thì nhất lễ nhất toàn, tội nhiều kiếp như bụi thảy đều tiêu diệt, một ngọn đèn, một giọt nước, phước bằng hư không, cho nên miệng nói sám hối sáu căn, tâm còn ba thứ sám pháp, nếu tâm như vậy mới kham năng tiến hành. Pháp Hoa Tam-muội ghi chép: Hành giả mới vào đạo tràng phải có đủ mười pháp: 1) Nghiêm tịnh đạo tràng; 2) Thanh tịnh thân khí; 3) Ba nghiệp cúng dường; 4) Phụng thỉnh Tam bảo; 5) Khen ngợi Tam bảo; 6) Lễ

Phật; 7) Sám hối; 8) Hành đạo đi nhiều quanh; 9) Tụng kinh Pháp Hoa; 10) Suy nghĩ cảnh giới nhất thật. Nói rõ trong mười thứ này chỉ có nói bố thí là phương pháp, có giáo vận chuyển tâm tác niệm, có giáo tụng văn chương, miệng tự giảng nói đầy đủ rõ ràng trong văn kia, ở đây không chép đủ, nay chỉ lược thuật dụng tâm chỉ thú mà thôi. Pháp thứ nhất nghiêm tịnh đạo tràng, thứ hai phương pháp tịnh thân, ở đây đều có thể thấy... thứ ba tu pháp ba nghiệp cúng dường, hành giả trong thời gian ba nghiệp cúng dường ấy cần phải khởi tưởng khó suy nghĩ bàn luận, xa lìa cho tâm là thật, hoặc hương hoặc hoa thể là pháp giới, năng cúng sở cúng tánh vốn chân không, lượng kia trùm khắp, xuất sinh vô tận, tánh kia thường trú thường thâu suốt không bỏ sót, đâu chỉ đến khắp cõi này phương kia, hoặc cũng khắp nhập đời quá khứ, vị lai, hiển cúng Tam bảo, bình đẳng huân tập cho chúng sinh, tuy gọi là tài thí nhưng dùng tài thông pháp đó gọi là pháp cúng chân thật. Có công năng giúp ích cho pháp thân, năm quả đều thường, bốn đức đều hiển, cho nên thâm tưởng kệ hương hoa... pháp thức bốn là thỉnh Tam bảo, thứ năm là pháp khen ngợi Tam bảo, pháp thứ sáu là lễ bái Tam bảo... Vả lại khi mới lễ Phật, hiểu rõ thể Phật không lìa tâm ta, đồng một nguồn giác, viên chiếu các pháp, các Đức Phật ngộ khởi đồng thể bi, chúng sinh mê gương thọ các huyễn, bi khổ tương đối cảm ứng ở đây thành, một thân trùm khắp đến trước các Đức Phật, một lay khắp tiêu trừ vô biên tội, cho nên thâm tưởng kệ lễ Phật. Kế đến là lúc lễ pháp, biết rõ quả đức mà các Đức Phật chứng, chúng sinh mê lý tâm, tất cả hành môn, vô biên giáo đạo, lìa nhiệm thanh tịnh, có khả năng làm khuôn phép cho thánh phàm, xứng pháp môn này, ba nghiệp kính lễ, cho nên thâm tưởng kệ lễ pháp... kế đến là lễ tăng, tức Thánh hiền ba thừa, tuy là nhân vị đã đạt đến nguồn chân đồng với Phật, lòng từ vô duyên đồng với Phật, không cầu mà ứng, nay ta ba nghiệp cảm đến thánh chúng, bốn thế nguyện huân tu diệt tội gốc của ta, sinh quả vui của ta được quả an, cho nên thâm tưởng kệ lễ tăng... Kế đến vận tâm sám khắp, dụng đạo thành tựu cứu giúp rộng khắp, nếu không như vậy thì chẳng những không thành đại đạo mà còn khó diệt các lỗi lầm, vì sao? Vì ta từ vô lượng kiếp đến nay tạo tội không bờ bến, tự thân là gốc nghiệp, chúng sinh là duyên ác, đời đời đối với kia thương ghét, mỗi nơi đối với người dâm sát, hướng gì tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta, không gì là không trời buộc liên quan với nhau, đều bị phiền não che lấp. Nay vận động thể từ bi, như lý sám hối, hết sạch vọng nhiễm, thâu suốt nguồn chân tánh, hoặc đền đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi, các loài hữu tình xứng tánh cùng

khấp, cho nên thâm tưởng v.v... pháp sám hối sáu căn thứ bảy và bốn pháp hối, xét về nguồn của sáu tội căn nguyên đều tiêu trừ, tâm tứ hối nguyện đều thành tựu. Người mới tu sám hối, cái gọi là phát lộ các tội, vì sao? Vì như gốc rễ của cỏ cây, lộ bày ra thì bị khô héo, được che phủ thì tốt tươi, cho nên gốc lành cần phải bao phủ thì các mầm lành đều sinh, gốc tội phát lộ thì các tội đều diệt. Nay đối với Tam bảo chân thật thấy biết, chiếu soi khắp bờ cõi thiện ác của ta, cùng tận bờ mé gốc ngọn của ta, cho nên từ đầu đến cuối, từ vi tế đến rõ ràng thấy đều phát lộ càng không che giấu, đó là mười tâm nghịch thuận, chung cho hai phái mê ngộ, nên mê chân tạo ác thì có mười mười tâm, nghịch dòng Niết-bàn thuận biển sinh tử, bắt đầu từ vô thí, vô minh khởi ái khởi kiến, cuối cùng đến tạo tội nhất-xiển-đề, bác bỏ nhân quả, do đó nên đắm chìm trong sinh tử không có lúc nào ra khỏi. Nay may mắn gặp Tam bảo là duyên tốt, hãy sinh nhất niệm chánh tín, trước người sau mình, sửa đổi lỗi đã qua, tu tập về sau, cho nên khởi mười tâm, nghịch dòng sinh tử, thuận đường Niết-bàn, ban đầu thì tin sâu Tam bảo không quên bỏ, sau thì viên ngộ tâm tánh vốn vắng lặng, mỗi mỗi trở lại phá mười tâm trên, không rõ mười tâm trước thì không biết sự gây ra tội, nếu chẳng có mười tâm sau thì không biết pháp tu sám, cho nên muốn thực hành ngũ hối trước phải vận mười tâm cho nên thâm tưởng v.v... Tưởng rồi, sẽ nói tội lỗi sáu căn, nhưng văn sám sáu căn này chẳng phải so sớ soạn, chính là lời của các bậc Thánh đích thân giảng nói, là Đức Bổn sư Thích-ca nói. Đại sĩ Phổ Hiền thực hành hạnh Tam-muội chỉ bày pháp môn trừ chướng, bởi do thấy suốt nguyên nhân tướng của chúng sinh gây ra tội, lại biết các pháp xưa nay vắng lặng toàn thể linh thiêng, sáng suốt vô tướng vô vi nhiệm ô ngại, dung nhiếp lẫn nhau phát sinh lẫn nhau đều là chân như chẳng phá chẳng lập, tình mê tối tăm, gặp việc thì ngu muội, cho Bồ-đề Niết-bàn là sinh tử phiền não, do đó nên Đại sĩ chỉ dạy phương pháp sám hối mở cửa giải thoát, giúp cho chúng sinh hiểu rõ vô minh tức minh, biết trói buộc tức không trói buộc, căn cứ diệu lý ấy để sám hối lỗi lầm này, cho nên khi sám tội nhãn căn liền thấy thường sắc của các Đức Phật, tiếp thì sám hối tội nhĩ căn, tức nghe âm thanh nhiệm mầu của các Đức Phật, cho đến sám hối ý căn, tức sát-na ngộ chỗ ở của ba thân, một thể bốn đức rõ ràng, do lời tất yếu này mà tất cả tội tướng đều là thật tướng, mười điều ác, năm tội nghịch, bốn tội trọng, tám tà đều là pháp môn lý độc, đều là tánh nhiệm bốn dụng, lấy đây làm năng sám, tức đây là sở quán. Trí mê hoặc vốn như lý sự một mé, năng chướng sở chướng đều diệt, năng sám sở sám đều mất,

suốt ngày gia công, suốt ngày vô tác, đó gọi là tội tướng sám hối, cũng gọi là đại trang nghiêm sám hối, cũng gọi là tối thượng đệ nhất sám hối, do đó vô sinh lý quán là sám hối chủ, mới dùng nghi thức hữu tác về sự làm duyên sám hối. Nghi thức về sự kia tức năm vóc gieo sát đất, như núi Thái sơn sụp đổ, quở trách tâm mình, lời nói tha thiết nước mắt rơi xuống, bỏ tình dẹp ý, cúi đầu cầu khẩn, thành tâm sám hối, sự hành như vậy đã siêng năng lý quán càng tăng tiến, đúng như pháp rửa sạch, chỉ sạch tại nước trong, nếu không thêm tro thì cấu nhơ khó trừ, cho nên chánh trợ hiệp lại hành, như mắt chân nương cậy vào nhau, đâu chỉ diệt tội mà còn chứng được chân, cho nên nếu sáu căn sám hối thành tựu thì sẽ đạt được sáu căn thanh tịnh, nếu không dùng viên quán làm chủ thì không gọi là Đại thừa sám pháp, dù có thể diệt tội cũng chỉ thoát khỏi ba đường, dù được điều lành cũng không vượt ngoài ba cõi, trước hết biết ý này nhưng tụng văn kia, giúp cho hành giả được thanh tịnh lợi ích lớn...

Kế đến là pháp tứ sám, đó là khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng, phát nguyện. Sở dĩ đều gọi là sám là bởi đều có thể tiêu diệt tội, khuyến thỉnh thì diệt tội của ma Ba-tuần thỉnh Phật nhập diệt, tùy hỷ thì diệt lỗi lầm ganh ghét người khác tu điều lành, hồi hướng thì diệt tâm điên đảo cầu ba cõi, phát nguyện thì diệt lỗi tu hành thối chí. Trước hết tu khuyến thỉnh: Hành giả trước biết hiện nay sát-na mười phương thế giới có cõi số Phật nhiều như bụi nhỏ không thể tính kể mới ngồi dưới gốc cây chưa quay bàn xoay pháp, nay ta xứng lý vận tưởng, ở trước mỗi Đức Phật thỉnh Phật nói pháp nhiệm mầu, tức mười phương sát-na đây có cả Đức Phật như số bụi nhỏ ở trên, tuyên bố nhập Niết-bàn, ta đều đến trước thỉnh Phật trụ lại thế gian lâu dài, vận dụng niệm này không ngừng, diệt trừ ác ma. Lại thành tựu được pháp thí, công đức ấy rất lớn, tha thiết dụng tâm, trước vận tâm này, tỏ bày ngôn ngữ kia... để đến tu tùy hỷ, thì hễ người khác tu điều lành, vui theo, họ thì đắc thành, ấy phàm phu sáu đường, Hiền thánh Nhị thừa, tất cả Bồ-tát, Như Lai ba đời, gốc lành hữu vi vô lậu, công đức thượng cầu hạ hóa đều vui mừng khen ngợi, thuận theo tu hành. Xét rằng điều lành là nhân của sự an vui, nay tùy hỷ trợ giúp thành tựu thì cùng tất cả chúng sinh hưởng quả an vui, phải dùng ý này mà niệm niệm tu hành... kế đến tu hồi hướng: Đó là hồi sự hướng lý, hồi tự hướng tha, hồi nhân hướng quả. Trước hết là hồi sự hướng lý: Nguyên do lý đầy đủ mới có sự dụng, tất cả sự tu chứng không ra ngoài lý tánh, chúng sinh gượng chấp trước là hữu vi, này hồi chuyển tâm này hướng về mé thật. Hồi tự hướng tha: Xưa mê lý cùng

khấp, tất cả những điều lành đã tu trang nghiêm tự thân và quyến thuộc của mình, nay thuận theo bốn tánh hồi hướng đến cho chúng sinh. Hồi nhân hướng quả: Một mảy hạt giống lành ba nghiệp huân tu không thú hướng Nhị thừa, đâu dính mắc ba cõi, tu đã thuận tánh thì thành duyên nhân liễu nhân, nhân ắt hiển bày chân, đồng quy về ba đức rốt ráo, đó gọi là hồi nhân hướng quả. Ba thứ hồi hướng này tất cả Bồ-tát đều tu, vì vậy cho nên người tu hành phải y pháp hồi hướng này mà thực hành v.v... kể đến tu phát nguyện: Là yếu chỉ thế nguyện mục đích của hành giả. Tất cả Bồ-tát có bốn thế nguyện chung: Đó là người chưa độ khổ khiến được độ, chưa giải tập khiến được giải, chưa an đạo khiến được an, chưa chứng diệt khiến được chứng, ở đây thì nêu chung chí nguyện của hàng Bồ-tát, đã đầy đủ ở môn trước. (Xưa vốn không, đây thì hai câu dưới, nay y theo khoa trước phụ kiến cho phần này).

Nay thì nêu riêng tâm kia, chuyên cầu Tịnh độ, bởi cõi Kham nhẫn này không thường gặp Phật, nhiều các duyên ác, địa vị cao vẫn còn lui sụt, như cõi An dưỡng kia thường được thấy Phật, chỉ có duyên tốt, hàng sơ tâm liền được không lui sụt, lại nguyện lực của Đức Phật kia thâm nhiếp khắp loài hữu tình, nếu năng nguyện cầu thì chắc chắn được sinh về cõi kia, hướng chi quá khứ, hiện tại chưa nhóm nghiệp duyên thiện ác, thường đến trọn đời đều phải trả báo, khi sắp qua đời niệm ác tăng thịnh thì các ác thành công, lôi kéo chúng sinh vào đường ác, khi sắp qua đời niệm lành tăng thì các điều lành đều thành, dẫn dắt chúng sinh vào đường lành. Nay đã cấu sinh cõi An dưỡng thì tịnh nghiệp phải trang nghiêm, nếu không có nguyện lực mạnh dắt dẫn thì lúc sắp qua đời đâu thể chánh niệm, cho nên thành tâm phát nguyện quyết chí cầu mong, đã muốn vãng sinh thì phải chuyên tâm tha thiết.

Thứ tám là pháp hành đạo, thứ chín là pháp tụng kinh v.v... Nhưng muốn biết sơ lược yếu chỉ của pháp quán chỉ tướng thân nhiều Phật, tiếng tụng kinh đều là pháp giới, mỗi mỗi trùm khắp hư không. Tất cả chúng sinh nghe câu kệ này, mười phương ba đời nhận ra nhiều quanh, mà không có năng triền sở triền, dứt hẳn năng tụng sở tụng, triền thì mỗi bước không dấu vết, tụng thì mỗi tiếng bật dứt nghe, cho nên nói gỡ chân lên, đặt chân xuống đều là đạo tràng. Lại nói: Người nói pháp kia không nói không dạy, công trì tụng như thế chớ cho là ti lớn. Thứ mười là pháp ngồi thiền chánh quán thật tướng: Các pháp quán tướng trên tuy đều không cậy chấp, công không từ bỏ, như ở trước đã lập bày, nay thiền pháp chính là chánh tu, hoàn toàn dùng lý quán, nay trước hết nêu rõ tướng ngồi mới chỉ bày quán môn. Về tướng ngồi, phải ở trong nhà

riêng, thân ngồi kiết già trên giường dây, đặt chân trái lên chân phải gọi là bán già, lại đặt chân phải lên chân trái, kéo tới cho thân ngay ngắn, cả hai bắp về, gọi là toàn già. Người như vậy là tốt để phát sinh thiên định, nếu không thể toàn già thì bán già cũng được. Kế đến là sửa sang y phục, không được quá rộng, rộng thì thừa một bên vai, không được thở quá gấp thở gấp thì khí bị tắc nghẽn. Kế đến phải sửa thân ngay thẳng không được cong lưng hay dựa kê, cổ lưng thẳng hàng, đầu không quá cúi thấp hay ngưỡng lên mà phải ngay thẳng không nghiêng bên nào, để cho tự nhiên đừng dùng sức chế phục, mắt nhắm lại khiến ngăn bớt ánh sáng bên ngoài, miệng ngậm để ngăn gió vào, kế đến khiến cho hơi thở điều hòa, tâm lìa hôn trầm hay tán loạn. Cho nên Chỉ Quán chép: Điều hòa thân thì không chậm chạp, không gấp gáp, điều hơi thở thì không rít, điều hòa tâm thì không chìm không nổi, ba nghiệp nếu điều hòa thì thiên định sẽ phát sinh. Kế đến chỉ bày quán môn: Có chỗ bỏ ngoài theo trong, bỏ sắc chọn tâm, không nhờ pháp khác làm cảnh, chỉ quán đương niệm sát-na hiện tại rất gấp, rất vi tế, vừa gần vừa quan trọng, đâu cần phải xả bỏ vọng niệm này riêng tưởng đến chân như. Đương quán nhất niệm, biết tâm đức vô lượng vô biên, thể tánh thường trú, các Đức Phật mười phương tất cả chúng sinh quá khứ, hiện tại, vô lượng, hư không cõi nước thâm nhiếp tất cả không ngoài, đều đến trong đó, như một hạt châu trong lưới vông cửa trời Đế Thích, tựa như một hòn bọt sóng trong biển lớn, sóng không có thể riêng mà do toàn nước tạo thành, nước đã vô biên sóng cũng vô bờ, một hạt châu tuy nhỏ nhưng bóng hiện khắp các hạt châu, bóng các hạt châu đều vào trong một hạt châu, các hạt châu chẳng nhiều, một hạt châu chẳng ít, nhất niệm hiện tiền cũng giống như vậy. Tánh thấu triệt ba đời, thể trùm khắp mười phương, gồm nhiếp không sót, xuất sinh vô tận, chín cõi Phật tạo, Phật địa quyền lập bày, không lia tức nay, sát-na năng cùng tận tác dụng của quá khứ Chuyển luân thánh vương, nhưng phải biết tánh tất cả, cho nên năng nhiếp năng sinh, chớ cho rằng bản giác lẻ loi tùy vọng duyên mới có. Không rõ biết tánh đầy đủ ấy thì pháp thành hữu tác, quán chẳng phải vô duyên, nay quán các pháp tức nhất tâm, nhất tâm tức các pháp, chẳng phải nhất tâm sinh các pháp, chẳng phải nhất tâm bao gồm các pháp, chẳng trước chẳng sau, vô năng vô sở, tuy luận các pháp tánh tương vốn không, tuy tức nhất tâm thánh phạm rõ ràng, ngay nơi phá là lập luận, chẳng phải tâm có thể tư duy, cho nên gương chỉ dạy pháp quán nhiệm mầu bất khả tư nghì. Quán này có công năng trừ diệt bờ bến tội, năng hiển nguồn gốc lý, gọi là Thủ-lăng-nghiêm thiền, là tam-muội Pháp Hoa, cũng gọi

là Vương Tam-muội, thống nhiếp tất cả tam-muội, cũng gọi là chủ tổng trì xuất sinh tất cả tổng trì, công đức sâu xa xứng tán chẳng hết. Trên đây đã nói về sự nghi lý quán phần nhiều có sơ sót, nên tìm xem chỗ khác, ở đây không phiên trích dẫn, nếu muốn biết rộng, nên tìm Ma-ha Chỉ Quán xem, phải biết bộ Chỉ Quán tức là giềng lưới của tam-muội Pháp Hoa, Nhất thừa thập quán là chánh thể của tam-muội Pháp Hoa, viên đốn Đại thừa rốt ráo ở đây.

GIẢI THÍCH PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT ĐỀ HẠ CHÚ VĂN

Người chú văn này có nhiều thuyết khác nhau, nay nhân giảng giải tiếp cho nên cũng ghi chép, tạm thời nêu lên cho chúng sinh dùng mà dứt bỏ mê hoặc. Mười câu đầu nêu rõ bốn chữ “Phụ hành truyền hoàng”, mười câu kế tiếp nói rõ một chữ “Quyết”, bốn câu sau tổng kết nêu bày. Trong phần đầu, tám câu trước là nói rõ ý lập bốn chữ, hai câu sau tổng kết dụng công chúng giáo. Ban đầu lập ý Phụ Hành rằng: Cứu giúp giáo hạnh có tông, tin giáo gánh vác phụ hành. Giải thích rằng: Ngài Kinh Khê làm bến bờ cứu giúp người hành Chỉ Quán, ghi chép các giáo trong kinh luận, mà giáo kia vốn tự có tông, đương phần thì thành đối với giáo mình tu chứng, vượt qua tiết thì đều thành nhân quả Pháp Hoa, giáo vốn là do tông thiết lập, tin biết các giáo có khả năng dùng phụ hành thành chỉ quán. Kế đến ý truyền hoàng rằng: Hiển giáo hạnh hợp lý, xét hành có thể truyền hoàng rộng rãi, giải thích rằng: Người trí là ánh sáng hiển bày giáo lý của Như Lai, nên nói hạnh chỉ quán, mà hạnh này sâu xa phù hợp với lý. Đã là hành khế hợp lý, xét biết nhất định hoàng truyền làm lợi lạc chúng sinh. Tiếp đến nêu bày giải thích truyền hoàng nói rằng: Hành hoàng nơi nào, chẳng phải các giáo không lập! Giải thích rằng: Câu trên nêu bày hạnh chỉ quán, vậy thì pháp hoàng nơi nào ư! Câu dưới giải thích chẳng dùng giáp mở bày, không thể an lập chỉ quán diệu hạnh ở thế gian. Kế đến nêu giải thích phụ hành nói rằng: Giáo phụ nơi nào? Chẳng phải diệu hạnh thì chớ giải thích. Giải thích rằng: Câu trên nêu kinh luận các giáo, dùng pháp gì làm chỗ phụ ư! Câu dưới giải thích nếu chẳng phải diệu hạnh Nhất thừa thì chẳng giải thích các giáo, vậy thì sở phụ sở hoàng tức là chỉ quán, năng phụ năng hoàng không vượt ngoài các giáo, vẫn còn hiển thân đã dùng lục kinh để phụ thành đế đạo (đạo vua), lại dùng lục kinh rộng tuyên bày đế đức (đức của vua), tuy rõ ràng ba dụng đều nương vào lục kinh (sáu kinh), ngài Kinh Khê cũng vậy, hoàng phụ chỉ quán

đều nương các giáo. Cho nên hai câu dưới tổng kết dụng công của các giáo rằng: Trước hết dùng ba phen nghe toàn bộ giáo hạnh một dấu vết. Giải thích rằng: Hết tận, vì là dụng. Ba phen nghe nói vượt ngoài phó pháp tạng. Kia nói: Ba phen nói đều có thể thọ trì, cho nên mới gọi là chuyên chở ba phen nghe chương cú của các giáo. Bởi ngài Kinh Khê nói: Thường nghe thầy đàm luận các giáo, luôn xem kinh Phật chỉ dạy giải thích. Cho nên mới tận dụng điều nghe này mà hoàng phụ chỉ quán, muốn cho mình và người y giáo tu hành thành hạnh, do hạnh hiển giáo, giáo hạnh thâm hợp thành một dấu vết.

Mười câu kế là giải thích một chữ “Quyết”: Trên dùng giáo hoàng phụ, tuy cũng có khả năng như ngài Kinh Khê, nhưng suy tìm công phu nơi giáo, nay chữ Quyết này là vâng lệnh tâm yếu của thầy, dùng trí của mình mà khai thông chỉ quán, hoặc nghe hoặc thực hành. Miệng thưa bả quyết định là do thầy, suy xét lý v.v... phần nhiều từ nơi mình hiểu, nhưng tu tập giáo quán nơi phát sinh đều chẳng phải sự luận bàn trong lòng có nói đủ ở văn dưới, người đọc tự thấy. Sau là tổng kết nêu bày, ý kia lại càng rõ ràng, đâu cần giải thích quanh co.

Hỏi: Hai chữ Phụ hành đã dùng giáo làm năng phụ, chỉ quán làm sở phụ, hai chữ truyền hoàng vì sao dùng chỉ quán làm năng truyền hoàng, giáo làm sở truyền hoàng, có chỗ ngăn ngại mà không giải thích như vậy.

Đáp: Sự ngại kia tóm lược có bốn: 1/ Sự ngăn ngại đại thể vốn là truyền hoàng chỉ quán, đặt ra ký văn này, đâu thể lập đề trở lại để tự truyền giáo; 2/ Sự ngăn ngại văn tự trong đề, hoặc ghi chép chú ý dùng giáo làm sở hoàng, sao không gọi phụ hành hoàng giáo quyết, nhân đâu mà năng hoàng còn hai chữ ấy, mà đặc biệt không chỉ bày thể sở hoàng, nghiệm xét sở truyền, sở hoàng chỉ là hạnh sở phụ; 3/ Sự ngăn ngại văn nêu bày giải thích, giải thích rằng: Chẳng phải các giáo không lập, đã dùng các giáo làm năng nhập thì phải dùng chỉ quán làm sở lập, sở hoàng cho nên được lập. Hỏi: Về ngôn từ tuy là chưa phân, nhưng lời đáp chẳng phải không rõ ràng, nghĩa lệ cầu đáp ý để lập bày câu hỏi. Nghĩa là đây vậy; 4/ Sự ngăn ngại văn tổng kết, kết rằng: Năm bắt các yếu chỉ này để làm đầu đề, tam-muội nêu rõ chỗ truyền không bỏ sót sự thấy biết trước, tin lập đề các yếu chỉ dùng chỉ quán làm sở truyền rõ ràng, đâu dám sửa đổi sở truyền thành năng truyền, năng truyền thành sở truyền, muốn tránh khỏi lỗi lầm này như trên giải thích, nếu cho rằng chưa đầy đủ, xin lại thưa hỏi.

CẢNH TRÍ SOI CHIẾU LẤN NHAU CỦA NGHĨA LỆ

Nghĩa Lê hỏi rằng: Văn Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: Cảnh năng chiếu trí, tuy dẫn đương chứng, lý cũng khó sáng tỏ! Đáp: Thuận phương tiện giáo, lý cũng không thể hợp, nếu nói cho cùng thì lý dễ dung hợp, lấy tâm làm cảnh, tâm cũng năng chiếu, năng sở đều là tâm, tâm thể đều khắp, tâm tâm soi chiếu lẫn nhau đối với lý rất rõ ràng, cho nên ban đầu nói cảnh bất khả tư nghì, cảnh bất khả tư nghì tức là quán, do đó mà phân biệt được bốn câu: Cảnh chiếu nơi cảnh, cảnh chiếu nơi trí, trí chiếu nơi cảnh và trí chiếu nơi trí, chiếu ấy mới chiếu, chẳng thể nói hết được, chiếu thì nên nói, chẳng có chiếu để rõ biết, người nói mới nói, chẳng có chiếu để cùng tận, người nói nên chiếu, chẳng thể nói để rõ biết (do người học có hỏi về tám câu chiếu dưới nêu bình luận). Nay liền bình luận ý văn này, bởi do trên dùng bốn câu chiếu nhau rõ cảnh trí bất tư nghì. Sợ người nghi rằng: Hễ lập bất tư nghì ấy thì Đường Tâm hành bất, nẻo ngôn ngữ dứt, mà lại lập bốn câu phân biệt, mỗi câu đều bao gồm nói là chiếu há chẳng phải câu tức là nói chiếu, tức là tư duy, sau gọi là cảnh trí bất tư nghì ư! Cho nên lại lập tám câu để chiếu đối thuyết, quyết định phải trái, ý nói: Vong tình thì chiếu mới chiếu, lia văn tự nói mới là nói, chiếu như thế thì nên nói, nói như thế thì nên chiếu, vậy thì vong tình cho nên chiếu, thời viên dung mới có thể tự tại mà nói, lia văn tự nên nói, tức tự tại mới có thể viên dung mà chiếu, do đó bốn câu đều nêu rõ sự đặc kia, trọn ngày nói và chiếu, bất đường suy nghĩ nói năng, đó gọi là sự nói năng của bậc thánh, sự im lặng của bậc thánh, hoặc ngưng tình mà chiếu, chấp lời mà nói thì hoặc nói hoặc chiếu chẳng cùng chẳng rõ. Vì sao? Vì dính mắc tình cho nên chiếu, chiếu thì thành thiên chấp lời mà nói, nói thì có ngăn ngại, đâu thể như bốn câu trên dung hòa lẫn nhau ư! Cho nên bốn câu thiên chấp khờ dại đều bị bác bỏ, bèn gọi là bất tư nghì. Trong văn dùng các pháp xen nhau dường như khó thấy, nếu dùng ý này để quyết định thì thuyết chứng đạo tự rõ ràng, tên gọi bất tư nghì lại hiển bày, còn sợ trình bày chung chưa hiểu lại đem ý này chú thích.

Chiếu thì mới chiếu (Viên dung chiếu mới gọi là chiếu) chẳng phải nói có thể cùng tận (chấp tự mà nói thì không thể cùng tận, đây dùng thật chứng mà bác bỏ nói suông).

Chiếu thì nên nói (chiếu như trên hợp với nói tự tại) chẳng có chiếu để rõ biết (chỉ có năng chiếu thì thành ngầm chứng, đây dùng hai thứ tốt đẹp để bác bỏ người chỉ biết làm tốt đẹp cho riêng mình).

Nói thì mới nói (nói tự tại mới gọi là nói) chẳng phải chiếu có thể cùng tận (dính mắc mà chiếu thì không thể cùng tận, đây dùng hai thứ

tốt đẹp để bác bỏ ngầm chứng).

Nói thì nên chiếu (như trên nói hợp với viên dung chiếu) chẳng có nói để hiểu rõ (chỉ có năng thuyết mới thành hủy báng pháp) lại dùng song luân mà bác bỏ hai sự giúp đỡ.

CHƯƠNG THIÊN THAI VÀ LUẬN KHỞI TÍN DUNG HỢP

Có người khách chợt hỏi tôi rằng: Luận Khởi tín đối với bốn giáo của Thiên thai thì thuộc giáo nào? Tôi tình cờ đáp rằng: Luận Khởi tín do Pháp sư Pháp Tạng đời Đường chú sớ trình bày thông suốt, Thiên thai không thấy có văn tự giải thích, đây là do mỗi nhà chú sớ nên khó có thể hòa hợp. Khách bèn nhíu mày hỏi: Nghe tông Thiên thai rất có thể dung hợp, như nói dùng năm thời tám giáo phê phán giải thích một đại thời giáo ở Đông lưu trống rỗng không gì là không cùng tận, lời này như thế nào? Tôi bèn lập lý đáp rằng: Chỉ sợ không cho Thiên thai dung hợp, nếu tin Thiên thai nhiếp thuộc có lý ấy, thì Khởi Tín nhiếp thuộc giáo nào đâu có khó gì, cùng bèn tự thấy các nhà nghiên cứu khác nhau, nay thử làm trước dùng giáo nhiếp luận, kế là dùng giáo hợp sớ. Lại xét luận tông này có bách lạc xoa kinh mà đầu đề là Đại thừa thì lý hợp chung cho đến môn tam giáo, cho nên Thiên Thai Tịnh Danh Huyền Nghĩa chép: Phật tánh Duy thức v.v... luận thông suốt về tam giáo của Đại thừa, Duy thức còn đủ tam giáo, thì Khởi Tín làm sao không đủ tam giáo, hướng chi cùng với Phật tánh phần lớn là đồng, chỉ khác chút ít, nay đối với luận từ đầu đến sau tóm lược giáo văn để đối tam giáo. Luận dùng nhất tâm làm tông, bèn nói rằng thấu nhiếp chung pháp thế gian và xuất thế gian, đây thì chính tại viên môn, cũng bao gồm hai thứ còn lại, chân như môn có nghĩa ly ngôn, y ngôn, không, bất không thì lý tam giáo rõ ràng. Sinh diệt môn nói sơ phát tâm trụ có thể thấy một chút phần pháp thân, tám tướng thành đạo. (Kinh Niết-bàn nói: Thập trú thấy chút phần pháp thân, thấy không rõ ràng, Thiên thai phần là viên vị. Diệu Lạc nói: Hoa Nghiêm, Khởi Tín nêu rõ tám tướng sơ trú rất rõ ràng), há chẳng phải viên vị ư!

Theo thứ lớp tranh luận chín tướng, há chẳng phải biệt vị ư! Bát địa đắc vô công dụng đạo, há chẳng phải bị tiếp vị của Thông giáo lược dẫn văn này tất cả điều lệ theo như đây.

Khách hỏi: Pháp Tạng soạn sớ phân biệt như thế nào?

Đáp: Hiền Thủ lập nghĩa y cứ vào Thiên thai, đó là thuyết chung của Biệt giáo, chưa gọi thông phương biệt giáo, vì sao? Vì biệt có giáo đạo và chứng đạo, kia thì chỉ luận về giáo đạo, biệt có bốn môn phù hợp

căn cơ, kia mới chỉ luận về hai, Biệt có tự tha ngang dọc, kia mới chỉ luận về tự hành dọc nhập, biệt có nhiều nghĩa, kia thì không nói, chưa gọi biệt giáo thông phương bởi vì là thuyết chung.

Khách liền hỏi rằng: Sở kia lấy tùy duyên bất biến làm tông, Thiên thai cũng lấy tùy duyên bất biến để chứng ba nhân thể khắp, đó là ý viên, đâu thể nói biệt ư! Tôi đáp: Pháp tạng tuy dụng viên danh mà thành biệt nghĩa, vì sao? Vì kia nói: Chân như tùy duyên tạo ra tất cả pháp, mà chân như thể tánh thường bất biến, lại lầm dẫn thích luận rằng: Vô tình chỉ có pháp tánh mà không có Phật tánh, đây thì tên gọi tuy là viên mà nghĩa thành biệt. Khách hỏi: Biệt nói bất động là lý, nay dùng tùy duyên chân như mà thành biệt lý, ở đây căn cứ vào văn nào? Tôi đáp ngược lại: Biệt lý tùy duyên văn kia hơi rõ, bất động là lý, rút ra từ văn nào! Khách nói: Tông này người giảng đều có nói như vậy, mà không thấy trong văn sở nêu ra. Tôi nói: Chịu đem tùy duyên để bất động hai lý, phân biệt với nơi hai tông tánh tướng, đây mới rút ra từ ngài Hiền Thủ, Thiên Thai chưa thấy văn này, theo lý thì tùy duyên chưa gọi là viên cực, tông kia còn tự phê phán Chung giáo, chưa đề cập đến Viên, há Viên Thiên Thai đồng với Chung kia ư! Nên biết, hoặc bất động hoặc tùy duyên, chỉ căn cứ theo bên nghĩa phương tiện đều thuộc Biệt giáo. Khách hỏi: Thiên Thai lập biệt lý tùy duyên căn cứ văn như thế nào? Tôi đáp: Chỉ Quán lập Biệt giáo, Phát tâm cảnh chép: Chỉ Quán căn trần nhất niệm là mê, sách giải thích ghi chép biệt Như Lai tạng làm nhân lành, không lành. Diệu Lạc nói: Biệt giáo từ vô trú vốn lập tất cả pháp, bèn nói vô minh che lấp lý, năng che lấp, sở che lấp đều gọi là vô trú. Lại nói chân như ở tại mê thì sinh ra tất cả pháp. Lại nói vô minh làm nhân sinh ra tất cả pháp. Lại nói vô minh làm nhân sinh ra chín cõi, cần có pháp tánh làm duyên, văn chứng như đây đủ có thể làm bằng chứng nương tựa. Khách nói: Sở nghĩa ở tại biệt, đây thì đã rõ, luận đủ ba giáo lại phân tích rõ ràng. Tôi nói: Nếu có chút ngăn ngại đều mong trình bày. Khách nói: Chân như môn thuộc về lý, đủ ba giáo rõ ràng. Sinh diệt môn luận về địa trú tu chứng, cần phải nương vào một dấu vết, Biệt thì từ đầu đến cuối đều biệt, viên thì từ đầu đến cuối đều viên, địa vị thứ lớp của ba giáo trình bày như thế nào? Đáp: Luận về tông kinh này phần nhiều nói về lý, vì vậy nên chẳng phải một lý, đã không phải một, y vào địa vị tu chứng sao lại một đường. Như kinh Hoa Nghiêm chép: Sơ trú của Viên giáo, bèn nói khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, sau nói về địa vị, từ chối rằng hàng Bát địa đặc vô công dụng đạo. Lại, trong một bài kệ của Nhân Vương nói tam hiền

Thập Thán hứ quả báo tại Viên, thập tứ Bát-nhã là Biệt, ngũ nhãn thuộc về Thông. Hai kinh này nói rõ địa vị còn như vậy, hướng chi luận tông này có bách lạc-xoa kinh, đâu thể chỉ có một lần trở lại địa vị trong văn thiếu tam tạng vị, đã dùng tiêu đề Đại thừa chỉ có thể diễn giảng giáo lý rõ ràng. Khách nói: Lại như Hiền Thủ học thông về tánh tướng, địa vị nối tiếp tứ y, nhân đâu giải thích nghĩa, hoàn toàn thuộc dưới Thiên Thai! Tôi nói: Bồ-tát mở mang truyền bá giáo pháp đều phù hợp, thích nghi căn cơ, bởi vì một hạng căn cơ nghe nói thuyết một đường, do đó trình bày thông suốt điều này, chưa hẳn tứ y chỗ không rõ ràng. Khách hỏi: Đã nói mỗi duyên một sự tốt đẹp đều phù hợp thích nghi căn cơ thì đâu cần đây kia lệ thuộc nhau. Đáp: Đã biết hai tông đều phù hợp căn cơ thì đâu cần phải hỏi, đã khiến nhiếp thuộc, thế nên như trên, nếu luận về căn cơ thì không cần hòa hợp, khách liền vâng dạ mà lui ra.

GIẢI THÍCH THỈNH QUÁN ÂM

SỐ TRUNG TIÊU PHỤC TAM DỤNG VÀ LỜI TỰA

Thần chú Tiêu phục, đạo cốt yếu tu hành, công dụng khó suy nghĩ bàn luận, tổ tiên của ta phát huy, người đời sau này thọ nhận ân tuệ ấy, số văn đã phân biệt, người đọc phần nhiều mê muội, chỉ thấu nhiếp một kinh, thật tiêu phục ba dụng, hoặc giải thích không đúng, người tu hành nương tựa vào đâu! Nay phụ giúp bốn tôn lược bình luận nghĩa này, dám nói lợi ích muôn vật tạm theo tự tâm mình.

Ngày 16 tháng 10 năm Đinh ty niên hiệu Thiên Gia năm thứ nhất đời Tống.

Lời số chép: Dụng chia làm ba: 1/ Sự; 2/ Hạnh; 3/ Lý. Sự: Loài cạp sỏi hung ác và đao kiếm, v.v... Hạnh là Ngũ trú phiền não. Lý là: Pháp giới vô ngại vô nhiễm, nhiễm từ là sự độc hại của lý tánh.

Giải thích rằng: Dụng chia làm ba là nêu lên ba dụng. Sự v.v... là bày tỏ ba dụng. Trung đạo phá chung mười thứ hành pháp, tu khác nhau mới thành dụng của ba thứ tiêu dụng, pháp Quán Âm phần chứng trùm khắp trong tâm của tất cả chúng sinh, tùy theo công hạnh thân sơ đến nỗi khiến cho lực dụng khác nhau, như luận Khởi Tín nói về lực dụng của Phật và Bồ-tát, đều căn cứ vào sự thức, nghiệp thức của chúng sinh mà phân biệt rõ, dùng lương y diệu dược cho cuồng tử uống mới hiển rõ công dụng. Nên biết ba thứ độc hại, bỏ tà theo chánh, được gọi tên khác nhau, như Phổ Môn Biệt Hành Số phân biệt các tướng về nạn lửa, v.v... quả báo lửa đến Sơ thiên, đâu phải như dưới đây có những trường hợp hoàn toàn không có nghiệp hoặc, bởi khổ báo là chánh. Nghiệp lửa đến

Hữu đánh đầu như ba cỡi không có hoặc báo, lấy nghiệp làm chánh. Lửa phiền não chung cho bốn giáo, đây như người ba thừa hoàn toàn không có nghiệp báo, lấy phiền não làm chánh. Nay sự độc tại nơi cỡi Dục, đây căn cứ vào quả báo cho nên được gọi là Sự. Hạnh độc từ cỡi Sắc, cùng tận Biệt giáo dạy đạo dùng lý bất tức, gọi riêng là hạnh, lý độc tuy là viên để đàm luận về lý tức, bởi trong phiền não phân chia tức, bất tức khác nhau, cho nên gọi hạnh gọi lý khác nhau. Nếu phân biệt tướng từ chánh thọ danh khác với kia, sơ tiêu độc hại đã vậy thì năng tiêu dụng có thể biết. Giải thích trong sự ấy trình bày sự tiêu phục dụng. Cọp sói, đao kiếm v.v... là độc hại bị tiêu phục, bởi quả báo người tu hành vì tránh khỏi nạn đao kiếm cọp sói trong hiện tại, thường tán tâm trì danh tụng chú, tu nhân giữ giới tốt cũng có thể tránh khỏi các nạn cọp sói, đao kiếm cho đời vị lai. Căn cứ vào những người này nói về năng tiêu, sở tiêu đều thuộc về sự. Hành giả thực hành tiêu phục dụng. Ngũ trụ phiền não là độc hại bị tiêu phục, vì không vượt ngoài tướng năng tiêu nên dùng tướng sở tiêu hiển bày, ngũ trụ phiền não chẳng phải ba quán không tiêu, nhưng ba quán này thâm nhiếp cả hai Nhị thừa và Tam Bồ-tát, người tu nhân thiền định cũng tiêu phục ái Bát địa. Các hành nhân này tuy hàng phục, dứt trừ được phiền não mà đều là bất tức pháp tánh, như Biệt giáo đạo dù biết tâm thể năng tạo là Phật tánh mà cho là vô minh tự trụ, do không nghe bốn tánh đầy đủ pháp môn ác, cho nên chẳng phải hoặc tức lý, người Biệt giáo còn như vậy thì các giáo trước có thể biết, cho nên những người này độc hại sở tiêu đã phải tự trụ quán năng tiêu hoàn toàn là biệt tu, vậy thì tứ đế đều chẳng phải vô tác, cho nên năng tiêu, sở tiêu đều gọi là hành. Về Lý là trình bày lý tiêu phục dụng, Pháp giới vô ngại vô nhiễm mà nhiễm tức là chất độc của lý tánh, là sở tiêu phục, vì không vượt ngoài tướng năng tiêu nên dùng tướng sở tiêu để hiển bày. Và lại nêu rõ tướng sở tiêu, pháp giới là lý sở mê, vô ngại là đức thọ huân, sở mê vốn tịnh cho nên không nhiễm, thọ huân biến tạo cho nên bị nhiễm, đầy đủ ba đức mà thành ba chương cho nên nói tức chất độc của lý tánh, nhưng đàm tức lý khó mà được tự tại, phải dùng cụ, bất cụ phân biệt rõ mới thấy được sự khác nhau giữa tức và bất tức, vì sao? Vì nếu pháp giới sở mê không đủ ba chương nhiễm thì có ba chương, dẫu nói nhất tánh tùy duyên cũng chính là hoặc nhiễm tự trụ độc hại có tạo tác, vì khi trở lại gốc thì ba chương phải phá, nghĩa tức không thành thì không gọi là chất độc của lý tánh, thuộc biệt giáo, ở trước đều gọi là hành độc. Nếu pháp tánh sở mê vốn đủ ba chương nhiễm thì hiện ra ba chương, ở đây hoặc nhiễm

nướng vào người khác, độc hại vô tác, để trở lại gốc thì nhiệm độc rõ ràng mới thành nghĩa tức, vì vậy cho nên gọi là chất độc của lý tánh, đích thực thuộc Viên giáo. Cho nên ngài Kinh Khê giải thích nghĩa vô minh y tha rằng: Đồng thể y tha này mà lại tức, cho nên biết thể có ba chướng, khởi dụng ba chướng, dụng lại nương thể, cùng với thể không hai, nương đây mới tức, đều do lý đầy đủ, mới có sự dụng, đây là viên thừa, nếu không đàm cụ mới gọi là Biệt giáo, cho nên biết do tác ác nên mới luận về độc của tức lý. Năng tiêu phục dụng cũng do độc của sở tiêu tức là lý tánh, dụng năng tiêu đâu không tức lý, đây là lý tuệ lý định làm năng tiêu, năng phục. Lại nên biết rõ lý tiêu phục dụng, thể nó là tánh ác mới được sơ tâm liền tu trung quán, cho nên ngài Kinh Khê nói: Bỗng chưa nghe tên gọi tánh ác, đâu thể tin có hạnh tánh đức, tánh đức chẳng phải lý ư! Hành chẳng tiêu phục dụng ư! Muốn nói về dụng lý tiêu thì phải biết công của tánh ác vì sao? Vì do người sơ tâm đều dùng kiến tư hoặc, tâm vương, tâm sở làm mở đầu để phát sinh quán, ba giáo trước không luận về tánh ác, tâm vương tâm sở này không thể tức tánh, đã không tức tánh cho nên phải đối với hai lý trong chân của biệt duyên mà phá tâm vương, tâm sở này, đã có năng duyên, sở duyên, năng phá, sở phá cho nên độc hại tiêu phục đều được gọi là hành. Nếu Viên đốn giáo đã giải bày tánh ác thì hoặc kiến tư, tâm vương tâm sở là độc của tức tánh, độc đã tức tánh cho nên chỉ dùng độc này làm năng tiêu phục, đã dùng làm năng tiêu phục thì đương xứ bật dứt sử đối đãi, ai nói năng phá sở phá có gì là năng duyên, sở duyên. Độc hại tức trung, các pháp hưởng về độc, ngăn chiếu tương tức, nói năng suy nghĩ. Độc hại tức trung, các pháp hưởng về độc, ngăn chiếu tương tức, nói năng suy nghĩ chẳng cùng tận, cho nên ngài Kinh Khê nói: Chẳng những sở quán vô minh, pháp tánh thể tánh không hai, mà quán được quán trí tức là vô minh. Nếu chẳng phải lý độc thì đâu tức năng quán, cho nên nhất tâm ba quán viên đốn thập thừa, chẳng còn phải biệttu đều là lý tiêu phục, nên biết ba dụng được trước trước, không được sau, nếu được sau sau thì được trước trước, lại y cứ vào tụng chú để phân biệt. Nếu tán tâm tụng, chưa tu thiền tuệ thì chỉ đặc sự không, gọi là hành lý, nếu người của Tam giáo như Ưu-ba-tư-na nghe sáu chữ rồi, chỉ quán tâm mạch và mé thật của bốn đại, đặc A-la-hán, đây là chỉ tu tiêu phục quán hạnh, đã bao gồm miệng tụng thì riêng gọi là hành, hoặc có người không xả miệng tụng mà tu quán pháp ba giáo, đây là tụng hoàn toàn thành quán, tuy bao gồm sự dụng mà phải theo cái tốt đều gọi là hành tiêu phục, nhưng không gọi là lý. Nếu người Viên giáo, như nhân địa Đức Thích-

ca nghe chương cú này liền đếm hơi thở trú Thủ-lãng-nghiêm, thì chuyên về lý dụng. Hoặc nói quá khứ được nghe câu này trung ấm đọc tụng thì bao gồm sự dụng; nếu quán cây chuối huyễn hóa dùng làm trợ đạo thì bao gồm hành dụng, tuy bao gồm sự hành, đã y cứ vào viên tu thì không gì là không tức tánh, phải theo sự thù thắng đều gọi là lý tiêu phục, lại dụng ba dụng này tiêu phục không nhất định, tự dùng sự tiêu diệt hoặc, tự dùng hành tiêu diệt báo, có tu sự hành mà ngộ được lý, có tu lý dụng chỉ tiêu được nghiệp báo, trong văn chỉ nêu ra ba thứ độc sở tiêu, không giải thích ba thứ dụng năng tiêu, bởi có ý đối tiêu, hỗ tiêu, không thể đầy đủ, đây khiến người nói căn cứ nghĩa chỉ bày, hướng gì không chỉ có các văn trong đây đều giản lược, nếu quên ý chỉ sâu xa của giáo quán sơn gia thì sơ này trình bày thật không phải dễ, nay giải thích văn này, phần nhiều có sơ sót mong người thông đạt khắc cho đúng.

ĐỐI XIỂN NGHĨA SAO GIẢNG GIẢI BA DỤNG MƯỜI CHÍN CÂU HỎI VÀ LỜI TỰA

Tựa

Pháp sư Cô Sơn là bậc tiên giác của tông ta có soạn xiển nghĩa sao giải thỉnh Quán Âm Sớ, trong đó minh nghĩa tiêu phục tam dụng cũng rất rõ ràng. Nhưng đối với tôn chỉ giáo quán của nhà thì còn sai lầm, vì thế tôi quê mùa ít học khẩn thiết lập ra mười chín câu hỏi, để thưa hỏi xem có đúng không? Khiến cho những người học đối với pháp nghĩa này không bị dị đoan làm mê hoặc.

Ngày 01 tháng 10 Thiên Hy kỷ nguyên, Tứ Minh Tri Lễ soạn.

Câu hỏi 1: Căn cứ vào sự và hạnh hai thứ độc hại, vì lý tánh vốn đầy đủ, tùy duyên mà phát hiện ư! Vì lý vốn vô nhân do mê mới có ư! Nhân mê mới có, chẳng phải nay đã đầy đủ nghĩa, vốn có nghĩa tùy duyên nhưng thể năng duyên chẳng phải tánh ác ư!

Câu hỏi 2: Căn cứ vào đâu mà hiển bày, y cứ vào liễu nghĩa nào; lý tánh độc hại chẳng phải tánh ác ư!

Câu hỏi 3: Lý tánh độc hại là vô minh ư! Hay chẳng phải vô minh ư! Nếu cho là đúng thì hoàn toàn giống như y cứ vào hành, nếu cho là sai thì lại chẳng phải tánh ác, ngoài vũ trụ có thể tánh riêng ư?

Câu hỏi 4: Hành độc lý độc nếu không có tướng riêng thì cố sao nhà chú sở đặc biệt chia ra ba dụng.

Câu hỏi 5: Lời sao nói: Tu nhất tâm ba quán phá ngũ trú hoặc, tức y cứ vào hành tiêu phục độc hại, cho đến giải thích lý độc, cố sao lại

nói: Nay quán các pháp duy tâm, thể ô nhiễm thấy đều thanh tịnh, tức thần chú trị độc của lý tánh, hai điều này giải thích năng trị sở trị, y cứ vào hành, y cứ vào lý, tại tu tại tánh, tương khác nhau như thế nào?

Câu hỏi 6: Lời sao giải thích vô ngại vô nhiễm mà bị nhiễm, rằng: Pháp tánh cùng vô minh tạo khắp các pháp, gọi là nhiễm, nhiễm cho nên tức có độc trong sự và độc trong y cứ vào hành. Đây giải thích nhiễm, vô nhiễm hoàn toàn thuộc sự hành, độc hại rõ ràng, tại sao giải thích lý tánh độc hại lại chỉ cho đây ư! Lý nếu không có độc hại thì pháp môn tánh ác đến quả thì dứt hẳn ư! Ba độc hóa sự tác ý mới có ư!

Câu hỏi 7: Trong lời sao đặc biệt trình bày lý độc chẳng phải tánh ác, vì hiển bày tư nghi hay bất tư nghi ư! Nếu cho rằng tư nghi thì chẳng phải điều ở đây nói nếu bất tư nghi một thể ba dụng thì tại sao chột khác hẳn, nghĩa của độc chỉ thuộc sự hành lý tánh vốn không ư!

Câu hỏi 8: Sở sao giải thích lý độc, vì sao lại không trình bày tướng của lý, mà liền nói rằng: Nay quán các pháp duy tâm thể ô nhiễm thấy đều thanh tịnh, tức thần chú trị lý độc, lời nói này là giải thích lý tánh sở tiêu phục ư! Hay giải thích lý tánh năng tiêu phục? Nếu giải thích sở tiêu lý độc là chỉ cho thể ô nhiễm ư! Hay chỉ cho dụng ô nhiễm? Nếu chỉ dụng ô nhiễm thì ngũ trú tự thuộc về y cứ vào hành, nếu chỉ cho thể ô nhiễm thì lại chẳng phải tánh ác, pháp môn tánh ác mà một nhà bàn luận là chỉ cho vật nào ư?

Câu hỏi 9: Lời sao nói: Có chỗ cho rằng tánh ác là lý độc, nghĩa độc tuy thành, nhưng nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu. Nếu không có nghĩa tiêu thì đâu xứng với dụng ư! Hỏi vặn rằng: Một nhà Viên giáo đàm luận, nếu cho rằng lý độc tức là nghĩa của tánh ác thì vì sao lại nói nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu, nếu vậy, tại sao ngài Kinh Khê nói: Chột chưa nghe tên gọi tánh ác, đâu thể tin hành có tánh đức ư! Nhưng không biết lý độc tức tánh ác, vì sao lúc khác đều không nghe ư! Dù cho lý độc là tánh ác, mình tại sao lại trách rằng: Nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu, đây là chính tuy nghe mà không hiểu, vả lại ý của ngài Kinh Khê chỉ sợ không nghe tánh ác thì hạnh không có tánh đức, nay vì sao trở lại như vậy ư! Soạn thuật như thế chẳng thành hủy hoại tông đồ của mình ư? Chẳng thành người mù mắt ư! Nếu cho rằng không như vậy thì cung thỉnh ba lần văn này, nghiên cứu nghĩa lý sâu xa tôn chỉ Đại thừa để giải đáp.

Câu hỏi 10: Lời sao chỉ y cứ vào hạnh, là y cứ vào trí đoạn, đoạn tức sở đoạn, chỗ ngũ trú đoạn gọi là tiêu hành độc, cho rằng khác với lý độc nên hỏi vặn rằng: Trí tức năng đoạn, đoạn tức sở đoạn, không còn có tự thể riêng tức chỉ cho ngũ trú, đối với trí năng đoạn gọi là hành tiêu

ư! Nếu đoạn không có tự thể thì đây tức là đoạn diệt không, vì sở đoạn này tự có thể thường, chỉ tu tức tánh, là hoặc sở đoạn gọi là hành tiêu ư! Nếu đoạn không có tự thể thì đây tức là đoạn diệt, đâu có khác gì với Tiểu thừa, nếu đoạn có tự thể thì hành độc tiêu xứ, trở lại đầy đủ độc lý tánh chăng? Nếu chẳng phải lý độc, thì chỉ do đâu làm thể mà luận về viên đoạn ư! Lẽ ra chỉ cho biệt thanh tịnh chân như ư! Chúng sinh nhân tâm chỉ có tu ác không có tánh ác ư!

Câu hỏi 11: Lý tánh nếu không có nghĩa tiêu phục, y cứ vào lý giáo hạnh giải thích riêng đề này, giáo hạnh gọi là kinh, có nghĩa tiêu phục, y cứ vào lý gọi là kinh ấy có thể hoàn toàn phế bỏ ư! Vì sao lại gọi biệt, giải thích trong đề lý của kinh ư! Nếu không thể phế bỏ sao lại chợt phân biệt rằng nghĩa độc tuy thành, nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu ư!

Câu hỏi 12: Lý tánh tiêu phục là nói về tu hay phân biệt về tánh! Nếu nói về tu thì không ngoài y cứ vào hạnh tiêu phục, nếu y cứ về lý tánh thì lý tự tiêu phục, tại sao nói nay quán các pháp tuy tâm nhiễm thể v.v.. ư! Nay nói quán tu hay tánh ư!

Câu hỏi 13: Về lý tiêu phục, lời sao tự phân biệt rằng: Vậy thì hoặc tánh tướng đợi, chẳng phải thiếu đoạn trí. Nay hỏi vặn rằng lý tiêu phục nghĩa đã nói chẳng liên quan đến ước hạnh trí đoạn, hay chỉ lý cảnh không liên quan đến trí đoạn ư! Là y cứ vào mê sự chẳng quan hệ đến trí đoạn ư! Hay căn cứ hạnh tánh đức chẳng quan hệ đến trí đoạn ư! Hay đều y cứ vào bốn nghĩa chẳng quan hệ đến trí đoạn ư!

Câu hỏi 14: Lý tánh nếu không có nghĩa tiêu phục, y cứ vào hạnh tiêu phục đều chẳng phải tánh khởi ư! Nếu vậy, tại sao Đại sư nói rằng, nay vốn là hạt giống tánh đức, nếu tâm từ bi trí tuệ trang nghiêm hiển xuất chân thân đều lấy liễu nhân làm hạt giống, nếu tâm từ phước đức trang nghiêm hiển xuất ứng thân đều lấy duyên nhân hạt giống. Văn này y cứ vào hạnh tiêu nghĩa chẳng phải bi trí trang nghiêm, y cứ vào hạnh phục nghĩa chẳng phải từ phước trang nghiêm ư! Nếu không có hạt giống bốn tánh làm sao hiển bày được ước hạnh viên tu!

Câu hỏi 15: Lời sao nói: Hoặc tánh đối đãi nhau chẳng liên quan đến trí đoạn gọi là tiêu lý độc, vì y cứ vào bốn tịnh không nhiễm ngũ trí gọi là lý tiêu ư! Hay dùng quán trí chiếu lý quên hoặc gọi là lý tiêu ư! Nếu nói vốn tịnh không nhiễm đều không phải trải qua tu, tại sao nay quán các pháp duy tâm nhiễm thể đều gọi là trị lý độc ư! Nếu nói hoặc tánh đối đãi nhau, suy hoặc tức tánh gọi là tiêu lý độc, đây tức ước vào hạnh suy xét nhập không hiển hiện tu thành, sao lại cho là y cứ vào lý! Tại sao ngài Kinh Khê nói lý thì tánh đức duyên liễu! Tại sao vốn tự hai

không tức nghĩa tánh đức ư!

Câu hỏi 16: Nếu nói nghĩa độc tuy thành, nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu, thì nay lẽ ra không phù hợp nên nói vốn là nhân quả căn bản, tức là tánh đức duyên liễu, tánh đức này vốn tự có chẳng thích hợp với ở đây, tánh đức liễu nhân chẳng phải lý tiêu nghĩa ư! Tánh đức duyên nhân chẳng phục nghĩa ư!

Câu hỏi 17: Nếu nói hoặc tánh đối đãi nhau chẳng liên quan đến trí đoạn hạnh tiêu nghĩa, thì đây khác với lý tu tánh, trí đoạn thể ràng buộc, tại sao Đại sư nói bắt đầu thì khởi từ liễu nhân, sau cùng thì Bồ-đề đại trí, mới thì khởi từ duyên nhân, sau cùng thì Niết-bàn đoạn đức, vì sao đặc biệt trình bày hoặc tánh đối đãi nhau gọi là lý tiêu độc chẳng liên quan đến nghĩa ước hạnh trí đoạn ư! Tánh ước liễu nhân chẳng phải trí thể ư! Tánh đức duyên nhân chẳng phải đoạn thể ư!

Câu hỏi 18: Lời sao nói: hoặc tánh đối đãi nhau gọi là tiêu lý độc, ở đây là đối với hoặc tánh gọi là cảnh tu đức ư! Hay cảnh tánh đức ư! Nếu nói tu cảnh thì căn cứ khảo sát cùng tận thành nghĩa tiêu phục cũng chỉ thuộc về tu, y cứ vào hạnh mà nói. Nếu nói tánh cảnh, pháp tánh tự như vậy chẳng phải do tạo thành, tánh đây đối hoặc gọi là tiêu lý độc, năng đối tánh đã nói nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu, nên lựa chọn chỉ ở trong lý làm năng đối tánh ư! Nên chọn thanh tịnh chân như làm năng đối tánh ư!

Câu hỏi 19: Lời sao nói: Hoặc cho rằng tánh ác là lý độc, nghĩa độc tuy thành, nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu, nếu có nên phá tánh ác hỏi vặn rằng: Nếu vậy tại sao Phụ Hành nói: Lại lý này chuyển thành tu đủ, mỗi mỗi tu đầy đủ, không lý nào không đủ, khiến thức tu đủ, toàn là lý đủ, là đạt lý đủ, tức không tức trung, lý đầy đủ này tức không tức trung, cũng chẳng phá pháp môn tánh ác ư!

Đại sư nói: Tướng mạo tu đức ở trong tánh đức, đây cũng dứt bỏ tánh ác ư! Lý đầy đủ trong không, nêu tướng mạo tu đức, đâu chẳng phải nay y cứ vào lý tiêu phục nghĩa ư!

Tôi cho rằng nếu dựa vào lời Sao, một nhà tuyên bày về pháp môn tánh đức đều thành vô dụng, viên tu trí hạnh đều thành hữu tác, vì sao? Vì nếu cho rằng lý đầy đủ các hạnh thì lẽ ra phá pháp môn tánh ác, nếu nói tánh ác lý độc nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu thì hiển hiện đồng duyên liễu mới có, vì sao tu đức mà chẳng viên dung ư! Xét rằng như vậy thì thuyết tánh nghiêng đổ, đạo viên đốn phế bỏ, truyền thuật và sáng tác giúp ích tông thừa, tại sao bỗng nhiên trái với đại nghĩa.